



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 521490

VEWL#: 50894

I-171#: (Y) NO

EXIT VISA#:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM DUONG VAN MINH  
Last Middle First
- Current Address: 146 - 9 bis - 37 Hung Vuong, F.01, Quan 11, Thanh Phu Ho Chi Minh
- Date of Birth: December, 28, 1941 Place of Birth: Long An Province
- Previous Occupation (before 1975) Captain  
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From June, 24, 1975 To April, 28, 1984  
Years: 8 Months: 9 Days: 24
3. SPONSOR'S NAME: THUY TRAN  
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| Name, Address & Telephone Number | Relationship         |
|----------------------------------|----------------------|
| <u>THUY TRAN</u>                 | <u>Sister-in-law</u> |
| <u>Kieu TRAN</u>                 | <u>Niece</u>         |
|                                  |                      |
|                                  |                      |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED:

INTAKE FORM (Two Copies)  
MAU DON VE LY-LICH  
\*\*\*\*\*

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Tên Tu-nhan) : DƯƠNG VĂN MINH  
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : December 26 1941  
Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): \_\_\_\_\_

MARITAL STATUS Single (Doc than): \_\_\_\_\_ Married (Co lap gia dinh): X  
Tình trạng gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 146 - gbis - 37 Hùng Vương, F.1, Quận 11  
Dia chi tai Viet-Nam) Thành phố Hồ Chí Minh

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) \_\_\_\_\_  
If Yes (Nêu co): From (Tu): June 25, 1975 To (Den): April 26, 1986

PLACE OF RE-EDUCATION: Long Giao, Hoàng Liên Sơn, Vĩnh Phú, Thái Đức  
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Captain

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): \_\_\_\_\_  
IN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Captain  
IN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): \_\_\_\_\_ Date (nam): \_\_\_\_\_

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X  
\* (Xem mặt sau) IV Number (So ho so): 521490  
No (Khong): \_\_\_\_\_

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): \_\_\_\_\_  
\*\* (Xem mặt sau) (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): \_\_\_\_\_  
F.1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro): \_\_\_\_\_  
THUY TRẦN, 4 Lake Somerville  
MA. 02143 - USA

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): \_\_\_\_\_

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Sister-in-law.

NAME & SIGNATURE: DƯƠNG VĂN MINH  
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT Dur  
Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) \_\_\_\_\_  
146 - gbis - 37 Hùng Vương, F.1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

DATE: September 25 1989  
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

\* Đã nộp hồ sơ xin xuất cảnh theo Chương trình Tái Định cư ở Mỹ  
tuổi 2 cùng cha Việt Nam và Hoa Kỳ thỏa thuận dâng cho  
những từ nhân chính trị.

Hồ sơ đã nộp ngày 28-9-1989 tại Công An Quận 11, Thành phố  
Hồ Chí Minh. Biên nhận số 2288/NK ngày 28-9-1989 (bản  
sau đính kèm)

• \*\* Number of Dependents accompanying :

- |                          |        |              |
|--------------------------|--------|--------------|
| 1. Trần thị Thanh Sơn    | , 1937 | , vợ         |
| 2. Dương văn Mẫn         | , 1965 | , con        |
| 3. Dương thị Kim Chi     | , 1966 | , con        |
| 4. Dương thị Thủy Linh   | , 1968 | , con        |
| 5. Dương thị Linh Phương | , 1971 | , con        |
| 6. Dương minh Phước      | , 1972 | , con        |
| 7. Huỳnh hiền Đức        | , 1968 | , con rể     |
| 8. Huỳnh Dương Thủy Hằng | , 1988 | , cháu ngoại |

# MẪU ĐƠN BẢO LÃNH CÁC CỰU TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ



NATIONAL OFFICE

## MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1512 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

202/659-6625

Telex: 710.622 1164 ATTN: MRS

### POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam DUONG Last VAN Middle MINH First  
 Current Address 146 - 9Bis - 37 Hung Vuong F. 01 - Quan 11 - TP. HCM (VN)  
 Date of Birth December 26, 1944 Place of Birth Long An Province  
 Names of Accompanying Relatives/Dependents

Tran Thi Thanh Son (wife) Duong Thi Thuy Lien (daughter)  
Duong Van Man (son) Duong Thi Linh Phuong (daughter)  
Duong Thi Kim Chi (daughter) Duong Minh Phuc (son)  
Huynh Huu Duc (son-in-law) Huynh Duoc Thuy Huong (granddaughter)  
 Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From June 24, 1975 to April 26, 1984

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

| NAME             | RELATIONSHIP         | NAME | RELATIONSHIP |
|------------------|----------------------|------|--------------|
| <u>Thuy Tran</u> | <u>sister in law</u> |      |              |
| <u>Kieu Tran</u> | <u>niece</u>         |      |              |
|                  |                      |      |              |
|                  |                      |      |              |

Form Completed By:

Thuy Tran  
 Name

Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

USCC Form D

Orderly Departure Program  
American Embassy  
APO San Francisco 96346

TRAN THI THU THUY  
4 LAKE ST  
SOMERVILLE MA 02143

IV Number : 521490

The enclosed information pertains to your interest in the Orderly Departure Program. Please read and follow all the instructions very carefully. When communicating with this office by letter, you must ALWAYS refer to the IV number exactly as it appears above.

ODP files are being reviewed by category priority. The attached Letter of Introduction has been issued as a result of your relative's file category coming up on our priority schedule. You may have other family members whose files have not yet been reviewed. Their files will be reviewed once we have completed the review of all higher priority categories and reach the category of the cases of your remaining relatives.

Following is an English translation of the enclosed Letter of Introduction :

The above named individuals appear to qualify for resettlement in the United States of America. A final decision as to their eligibility, however, can only be made after they have been interviewed by the appropriate United States immigration or consular officials and have had certain required medical examinations and tests. Approval will depend on the individuals being determined by U.S. officials, prior to the individual's departure from Vietnam, to be in satisfactory health and to meet the requirements of U.S. immigration laws.

Therefore, should these individuals receive exit permission from the Vietnamese Government, we request that they be permitted to undertake in Vietnam all formalities and processing connected with their application to leave Vietnam under the U.S. Orderly Departure Program, including the required medical examinations and tests, and that they be permitted by the Vietnamese authorities to appear before the appropriate United States Government officials to be interviewed.

The qualification of any individual named in this letter for resettlement in the United States may be invalidated in certain situations, including marriage, divorce, the attainment of age of 21, or death.

Encl: Letter of Introduction  
Instructions

CRU /TUM

EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA  
BANGKOK, THAILAND

MAY 30, 1989

TO WHOM IT MAY CONCERN:

|                       |      |           |                    |
|-----------------------|------|-----------|--------------------|
| TRAN THI THANH SON    | BORN | 12 MAY 37 | (IV 521490)        |
| DUONG VAN MINH        | BORN | 26 DEC 41 | HUSBAND            |
| DUONG VAN MAN         | BORN | 28 NOV 65 | UNMARRIED SON      |
| DUONG THI KIM CHI     | BORN | 19 NOV 66 | UNMARRIED DAUGHTER |
| DUONG THI THUY LINH   | BORN | 26 OCT 68 | UNMARRIED DAUGHTER |
| DUONG THI LINH PHUONG | BORN | 30 OCT 71 | UNMARRIED DAUGHTER |
| DUONG MINH PHUOC      | BORN | 16 NOV 72 | UNMARRIED SON      |

ADDRESS IN VIETNAM: 146 9BIS DUONG 37, HUNG VUONG  
P 01  
Q 11  
T/P HO CHI MINH

VEWL#: 50894

NHUNG NGUOI CO TEN TREN DAY DUOC COI NHU TAM DU TIEU-CHUAN DE DINH-CU TAI HOA-KY. TUY NHIEN, SU QUYET-DINH CUOI CUNG DE HOI DU DIEU-KIEN CON TUY THUOC VAO CUOC PHONG-VAN CUA VIEN-CHUC SO DI-TRU HAY TUY VIEN LANH-SU HOA-KY VA KET-QUA VIEC KHAM SUC KHOE VA THU-NGHIEM Y-TE CAN THIET. DE CO SU CHAP-THUAN CUOI CUNG CUA VIEN-CHUC HOA-KY, VA TRUOC KHI ROI KHOI VIET-NAM, MOI NGUOI CAN CO SUC KHOE TOT DEP VA HOI DU NHUNG DIEU-KIEN CUA LUAT DI-TRU HOA-KY.

VI THE, TRONG TRUONG HOP NHUNG NGUOI NAY DUOC CHINH-QUYEN VIET-NAM CHO PHEP XUAT-CANH, CHUNG TOI YEU CAU QUY VI CHO PHEP HO DUOC THI HANH TAI VIET-NAM NHUNG THU-TUC CAN THIET LIEN-QUAN DEN HO-SO XIN ROI KHOI VIET-NAM, THEO CHUONG-TRINH RA DI CO TRAT TU (ODP), KE CA NHUNG THU-TUC KHAM SUC-KHOE, THU-NGHIEM Y-TE CAN THIET VA DUOC CHINH-QUYEN VIET-NAM CHO PHEP GAP VIEN-CHUC CO THAM-QUYEN CUA CHINH-PHU HOA-KY DE DUOC PHONG-VAN.

DIEU KIEN DUOC DINH-CU TAI HOA-KY CUA BAT CU NGUOI NAO CO TEN TRONG TO THU NAY, CO THE KHONG CON HIEU LUC NUA, TRONG MOT SO TRUONG HOP, BAO GOM CA HON-NHAN, LY-DI, DEN TUOI 21, HAY QUA DOI.

SINCERELY

  
BRUCE A. SANDERS  
DIRECTOR  
ORDERLY ROOM  
EMBASSY OF THE U.S. OF AMERICA  
BANGKOK, THAILAND

ODP-I  
07/88

9359239

Hà số 001-ULTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972.

84-111-08  
 CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH  
 ĐÀ TRINH DIỄN  
 84-111-08  
 Ngày 11 tháng 5 năm 1984  
 PHÒNG CS. QLHC và TTXII

Thiên Tô Nhân, Hữu Phúc

CÔNG AN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
CÔNG AN QUẬN 11

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Số 2289/NK

## BIÊN NHẬN

Ông, bà :

DƯƠNG VĂN MINH (1941)

Địa chỉ :

146/9 B15/37 Hàng Bưởi p. 211

Có nộp đơn xuất cảnh kèm theo :

hủy (chỉn 3A)

cùng đi theo 8 người

Ngày

2 tháng

Năm 1989

Trưởng Công an Quận 11

Trần Văn Lộc



## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

## ĐƠN XIN XUẤT CẢNH SANG

Hoa-Kỳ

Kính gửi: Phòng công tác người nước ngoài và xuất nhập cảnh

Thành phố Hồ Chí Minh Bộ phận đăng ký xuất cảnh — Quận XI

Tôi là: DƯƠNG VĂN MINHNăm sinh 26-12-1941 tại xã Tân Trach, Cù Duộc (Long An)Dân tộc: Kinh Quốc tịch Việt Nam Tôn giáo PhậtCăn cước, chứng minh số 022344516 cấp ngày 13-01-1987 tại Quận 6

Nghề nghiệp hiện nay \_\_\_\_\_

Hiện ngụ tại 146/4 B. 37 Đường Huỳnh Văn Phường 7 Quận 11

Làm đơn này xin trình bày một việc như sau:

Nguyên tôi có \_\_\_\_\_ Sinh năm \_\_\_\_\_

Trước đây ở Việt Nam tại \_\_\_\_\_

Đã ra đi nước ngoài ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ bằng phương tiện \_\_\_\_\_

Hiện nay định cư tại \_\_\_\_\_

và \_\_\_\_\_ đã đứng ra bảo lãnh cho gia đình tôi

được xuất cảnh sang Hoa-Kỳ để theo chồng sách nhân đạo

CÙNG XIN ĐĂNG KÝ XUẤT CẢNH GỒM CÓ:

| SỐ<br>TT | HỌ VÀ TÊN              | NĂM SINH |      | SỐ CĂN CƯỚC<br>CHỨNG MINH<br>KHAI SINH | QUAN HỆ    |
|----------|------------------------|----------|------|----------------------------------------|------------|
|          |                        | NAM      | NỮ   |                                        |            |
| 1        | Đặng Thị Thanh Sơn     |          | 1987 | 020835636                              | vợ         |
| 2        | Đặng Văn Sơn           | 1965     |      | 021977113                              | con        |
| 3        | Đặng Thị Kim Chi       |          | 1966 | 021977112                              | con        |
| 4        | Đặng Thị Thủy Linh     |          | 1968 | 021977111                              | con        |
| 5        | Đặng Thị Linh Phương   |          | 1971 | 022341455                              | con        |
| 6        | Đặng Minh Phước        | 1972     |      | 022349871                              | con        |
| 7        | Huỳnh Hữu Đức          | 1968     |      | 021961811                              | ĐD         |
| 8        | Huỳnh Dương Thủy Hương |          | 1988 | K.S. 21/2 S.T.03                       | Cháu ngoại |

XÁC NHẬN  
CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNGNgày 26 tháng 7 năm 1989  
NGƯỜI LÀM ĐƠN.Phu

EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA  
BANGKOK, THAILAND

MAY 30, 1989

TO WHOM IT MAY CONCERN:

|                       |      |           |                    |
|-----------------------|------|-----------|--------------------|
| TRAN THI THANH SON    | BORN | 12 MAY 37 | (IV 521490)        |
| DUONG VAN MINH        | BORN | 26 DEC 41 | HUSBAND            |
| DUONG VAN MAN         | BORN | 28 NOV 65 | UNMARRIED SON      |
| DUONG THI KIM CHI     | BORN | 19 NOV 66 | UNMARRIED DAUGHTER |
| DUONG THI THUY LINH   | BORN | 26 OCT 68 | UNMARRIED DAUGHTER |
| DUONG THI LINH PHUONG | BORN | 30 OCT 71 | UNMARRIED DAUGHTER |
| DUONG MINH PHUOC      | BORN | 15 NOV 72 | UNMARRIED SON      |

ADDRESS IN VIETNAM: 146 9BIS DUONG 37, HUNG VUONG  
P 01  
Q 11  
T/P HO CHI MINH

VEWL#: 50894

NHUNG NGUOI CO TEN TREN DAY DUOC COI NHU TAM DU TIEU-CHUAN DE DINH-CU TAI HOA-KY. TUY NHIEN, SU QUYET-DINH CUOI CUNG DE HOI DU DIEU-KIEN CON TUY THUOC VAO CUOC PHONG-VAN CUA VIEN-CHUC SO DI-TRU HAY TUY VIEN LANH-SU HOA-KY VA KET-QUA VIEC KHAM SUC KHOE VA THU-NGHIEM Y-TE CAN THIET. DE CO SU CHAP-THUAN CUOI CUNG CUA VIEN-CHUC HOA-KY, VA TRUOC KHI ROI KHOI VIET-NAM, MOI NGUOI CAN CO SUC KHOE TOT DEP VA HOI DU NHUNG DIEU-KIEN CUA LUAT DI-TRU HOA-KY.

VI THE, TRONG TRUONG HOP NHUNG NGUOI NAY DUOC CHINH-QUYEN VIET-NAM CHO PHEP XUAT-CANH, CHUNG TOI YEU CAU QUY VI CHO PHEP HO DUOC THI HANH TAI VIET-NAM NHUNG THU-TUC CAN THIET LIEN-QUAN DEN HO-SO XIN ROI KHOI VIET-NAM, THEO CHUONG-TRINH RA DI CO TRAT TU (ODP), KE CA NHUNG THU-TUC KHAM SUC-KHOE, THU-NGHIEM Y-TE CAN THIET VA DUOC CHINH-QUYEN VIET-NAM CHO PHEP GAP VIEN-CHUC CO THAM-QUYEN CUA CHINH-PHU HOA-KY DE DUOC PHONG-VAN.

DIEU KIEN DUOC DINH-CU TAI HOA-KY CUA BAT CU NGUOI NAO CO TEN TRONG TO THU NAY, CO THE KHONG CON HIEU LUC NUA, TRONG MOT SO TRUONG HOP, BAO GOM CA HON-NHAN, LY-DI, DEN TUOI 21, HAY QUA DOI.

SINCERELY

  
BRUCE A. BEARDSLEY  
DIRECTOR  
ORDERLY ROOM

ODP-I  
07/88

9359239

Orderly Departure Program  
American Embassy  
APO San Francisco 96346

TRAN THI THU THUY  
4 LAKE ST  
SOMERVILLE

MA 02143

IV Number : 521490

The enclosed information pertains to your interest in the Orderly Departure Program. Please read and follow all the instructions very carefully. When communicating with this office by letter, you must ALWAYS refer to the IV number exactly as it appears above.

ODP files are being reviewed by category priority. The attached Letter of Introduction has been issued as a result of your relative's file category coming up on our priority schedule. You may have other family members whose files have not yet been reviewed. Their files will be reviewed once we have completed the review of all higher priority categories and reach the category of the cases of your remaining relatives.

Following is an English translation of the enclosed Letter of Introduction :

The above named individuals appear to qualify for resettlement in the United States of America. A final decision as to their eligibility, however, can only be made after they have been interviewed by the appropriate United States immigration or consular officials and have had certain required medical examinations and tests. Approval will depend on the individuals being determined by U.S. officials, prior to the individual's departure from Vietnam, to be in satisfactory health and to meet the requirements of U.S. immigration laws.

Therefore, should these individuals receive exit permission from the Vietnamese Government, we request that they be permitted to undertake in Vietnam all formalities and processing connected with their application to leave Vietnam under the U.S. Orderly Departure Program, including the required medical examinations and tests, and that they be permitted by the Vietnamese authorities to appear before the appropriate United States Government officials to be interviewed.

The qualification of any individual named in this letter for resettlement in the United States may be invalidated in certain situations, including marriage, divorce, the attainment of age of 21, or death.

Encl: Letter of Introduction  
Instructions

CRU /TUM

HD: 27757  
15/2327 HCM.

H141

h. 2. 90.

BỘ NỘI VỤ  
CỤC QUẢN LÝ XNC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số : 1388/XC

-----

IV 521490

GIẤY BẢO TIN

Kính gửi : Bà Trần Thị Thanh Sơn.

Hiện ở : 446/9 Bô / 37 Hưng Vương, Q.11, tp. Hồ Chí Minh.

1/ Chúng tôi đồng ý cho bà cùng 05. người trong gia đình được phép xuất cảnh đến nước Mỹ .

2/ Về việc cấp hộ chiếu : chúng tôi đã cấp 06 hộ chiếu cho gia đình, số :

4201 dân số 4211 / 90 DC1 ( gửi kèm theo )

3/ Chúng tôi đã lên danh sách số H05. chuyển Bộ Ngoại giao để chuyển chính phủ Mỹ bố trí tiếp xúc phỏng vấn và xét nhập cảnh .

Nếu gia đình cần biết thời gian phỏng vấn và kết quả xét duyệt nhập cảnh xin liên hệ với chính phủ Mỹ .

Xin thông báo để bà yên tâm ./.

Hà Nội, ngày 30 tháng 1 năm 1990

P. TRƯỞNG PHÒNG X.N.C



Nguyễn Phương

— Kính gửi bà chú.

Hôm nay - lời xin gửi bà chú  
thêm hồ sơ của chị tôi  
là Trần Thị Thanh Sơn,  
gồm có giấy LOI, và  
tất cả giấy - được phép xuất  
cảnh của Việt Nam cấp ứng  
giấy cho biết là xếp loại  
H05. Thêm được hồ sơ bà  
chú này xin bà cho biết  
hồ sơ có số theo dõi để  
để - Văn Lạc sau này.  
Không biết là được đi theo  
diện ODP hay đến - bị chính  
- trị. Nếu có gì xin bà chỉ  
báo thêm.

Thật-thật cảm ơn bà - Chị  
Hội - Dúi nhiều thật công  
trung sự giúp đỡ & người  
để còn lại ở VN.

Cảm ơn bà  
Thuy Tran.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM**

**HỘ CHIẾU**  
**Passeport**

Số

Nº

14211/90-ĐC

Hộ chiếu này gồm 16 trang

*Ce passeport contient 16 pages*

-1-

IV/521490

Họ tên DƯƠNG MINH PHƯỚC

Nom et prénoms

Ngày sinh 1972

Date de naissance

Nơi sinh Đông Nai

Lieu de naissance

Chỗ ở Tp Hồ Chí Minh

Domicile

Quốc tịch Việt Nam

Nationalité

Nghề nghiệp /

Profession

Nhận dạng Chiều cao

Signalement

Taille

Màu mắt

Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt

Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu

Photographie du titulaire



Chữ ký

Signature



Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

*Ce passeport est valable pour se rendre*

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

A TOUS PAYS

và hết hạn ngày 23 - 01 - 1995

*IL expire le*

trừ khi được gia hạn.

*sauf en cas de renouvellement*

Cấp tại Hà Nội ngày 23 tháng 01 năm 1990.....

Fait à le

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

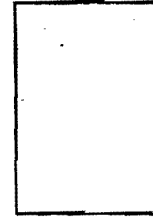
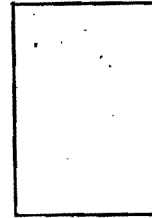
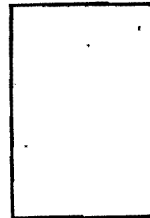
*V. Nam*

*Nguyễn Hoài Nam*

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU  
*ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT*

| Họ và tên<br><i>Nom et prénoms</i> | Ngày sinh<br><i>Date de naissance</i> |
|------------------------------------|---------------------------------------|
| 1.....                             | .....                                 |
| 2.....                             | .....                                 |
| 3.....                             | .....                                 |

Ảnh của trẻ em  
*Photographies des enfants*



THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 7211 XC

Cấp cho Đường Minh Phước

Cơ sở Khê an

HỢP CHỮNG QUỐC HOA KỲ

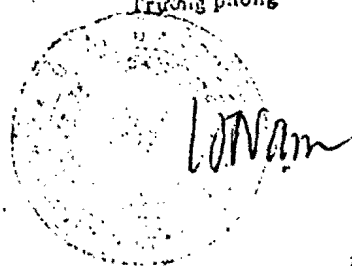
Chức vụ Tân Sơn Nhất

Ngày cấp 23. 7. 1990

Đã cấp 29 tháng 4 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



*Nguyễn Hoài Nam*



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM**

**HỘ CHIẾU**  
**Passeport**

Số .....  
Nº ..... *4209/90-ĐC*

Hộ chiếu này gồm 16 trang  
*Ce passeport contient 16 pages*

-1- *IV # 521490*

Họ tên ĐUƠNG THỊ LINH PHƯƠNG

Nom et prénoms

Ngày sinh

1971

Date de naissance

Nơi sinh

Đông Nai

Lieu de naissance

Chỗ ở

Tp. Hồ Chí Minh

Domicile

Quốc tịch

Việt Nam

Nationalité

Nghề nghiệp

Profession

Nhận dạng

Signalement

Chiều cao

Taille

Màu mắt

Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt

Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu

Photographie du titulaire



Chữ ký

Signature

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....  
*Ce passeport est valable pour se rendre*

TẤT CẢ CÁC NƯỚC  
A TOUS PAYS

và hết hạn ngày 22 01 1995  
*IL expire le*

trừ khi được gia hạn.  
*sauf en cas de renouvellement*

Cấp tại Hà Nội ngày 22 tháng 01 năm 1990  
*Fait à le*

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

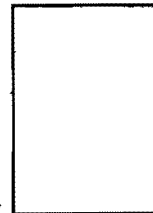
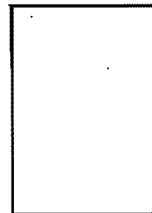
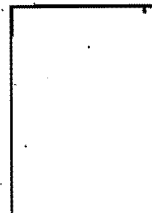
L. Nam

Nguyễn Hoài Nam

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU  
*ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT*

| Họ và tên<br><i>Nom et prénoms</i> | Ngày sinh<br><i>Date de naissance</i> |
|------------------------------------|---------------------------------------|
| 1 .....                            |                                       |
| 2 .....                            |                                       |
| 3 .....                            |                                       |

Ảnh của trẻ em  
*Photographies des enfants*



THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 4209 XC

Cấp cho Đường Thị Linh Phương

Công với trẻ em

Họ tên HỌP CHÚNG QUỐC HOA KỲ

Quê quán Bà Rịa Nhất

Thời ngày 23. 7. 1990

Hố Nội, ngày 23 tháng 07 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Nguyễn Hoa Nam



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM**

**HỘ CHIẾU**  
**Passeport**

Số .....  
Nº ..... *A207/90-ĐC*

Hộ chiếu này gồm 16 trang  
*Ce passeport contient 16 pages*

-1- *IV# 521490*

Họ tên DUONG THI KIM CHI  
Nom et prénoms

Ngày sinh 1966  
Date de naissance

Nơi sinh Tp. Hồ Chí Minh  
Lieu de naissance

Chỗ ở Tp. Hồ Chí Minh  
Domicile

Quốc tịch Việt Nam  
Nationalité

Nghề nghiệp /  
Profession

Nhận dạng /  
Signalement

Chiều cao /  
Taille

Màu mắt /  
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt /  
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu  
Photographie du titulaire



Chữ ký  
Signature



Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

*Ce passeport est valable pour se rendre*

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

À TOUS PAYS

và hết hạn ngày 23.01.1995

*IL expire le*

trừ khi được gia hạn.

*sauf en cas de renouvellement*

Cấp tại Hà Nội ngày 23 tháng 01 năm 1990

*Fait à le*

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

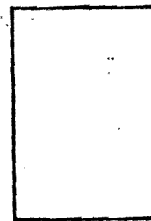
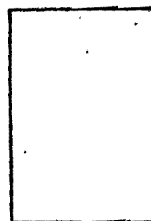
1/ Năm

Nguyễn Hoài Nam

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU  
*ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT*

| Họ và tên<br><i>Nom et prénoms</i> | Ngày sinh<br><i>Date de naissance</i> |
|------------------------------------|---------------------------------------|
| 1 .....                            |                                       |
| 2 .....                            |                                       |
| 3 .....                            |                                       |

Ảnh của trẻ em  
*Photographies des enfants*



THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số H207 VC

Cấp cho Đường Thị Kim Chi

Công với \_\_\_\_\_ ở đơn

Đến nước HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

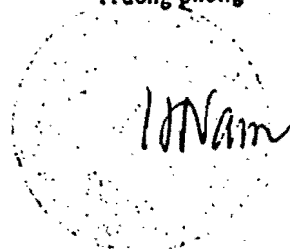
Còn của khác: Bản Sơn Nhất

Tên, ngày 23 - 7 - 1990

Hà Nội, ngày 23 tháng 1 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



*Nguyễn Hoài Nam*



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM**

**HỘ CHIẾU**  
**Passeport**

Số

Nº

11201/8009

Hộ chiếu này gồm 16 trang  
*Ce passeport contient 16 pages*

-1-

IV 521 490

Họ tên TRẦN THỊ THANH SƠN  
*Nom et prénoms*

Ngày sinh 1937  
*Date de naissance*

Nơi sinh Cẩm Phú chia  
*Lieu de naissance*

Chỗ ở Tp. Hồ Chí Minh  
*Domicile*

Quốc tịch Việt Nam  
*Nationalité*

Nghề nghiệp /  
*Profession*

Nhận dạng  Chiều cao   
*Signalement* *Taille*

Màu mắt   
*Couleur des yeux*

Vết tích đặc biệt   
*Signes particuliers*

Ảnh của người mang hộ chiếu  
*Photographie du titulaire*



Chữ ký  
*Signature*

... này có giá trị đi đến.....

*Ce passeport est valable pour se rendre*

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

À TOUS PAYS

và hết hạn ngày 23. 01. 1995

*IL expire le*

trừ khi được gia hạn.

*sauf en cas de renouvellement*

Cấp tại Hà Nội ngày 23 tháng 01 năm 1990.....

*Fait à le*

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

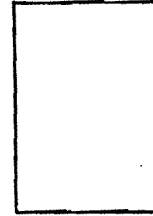
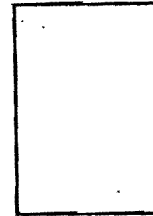
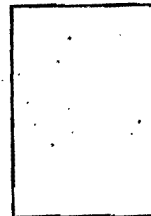
L. Nam

Nguyễn Hoài Nam

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU  
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

| Họ và tên<br><i>Nom et prénoms</i> | Ngày sinh<br><i>Date de naissance</i> |
|------------------------------------|---------------------------------------|
| 1.....                             | .....                                 |
| 2.....                             | .....                                 |
| 3.....                             | .....                                 |

Ảnh của trẻ em  
*Photographies des enfants*



THỊ THỰC XUẤT CẢNH

SS K201 XC

Cấp cho Bà Trần Thị Thanh Sơn

Công với Trẻ em

Đến nước HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

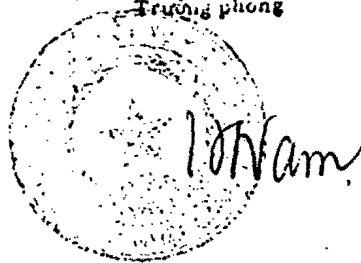
Quê của là: Tân Sơn Nhất

Trước ngày 23. 7. 1990

Hà Nội, ngày 23 tháng 1 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



*Nguyễn Hoài Nam*



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM**

**HỘ CHIẾU**  
**Passeport**

Số .....  
Nº H203/90-DC,

Hộ chiếu này gồm 16 trang  
*Ce passeport contient 16 pages*

-1-

IV # 521.490

Họ tên DƯƠNG VĂN MINH  
Nom et prénoms

Ngày sinh 1941  
Date de naissance

Nơi sinh Long An  
Lieu de naissance

Chỗ ở Tp. Hồ Chí Minh  
Domicile

Quốc tịch Việt Nam  
Nationalité

Nghề nghiệp /  
Profession

Nhận dạng                       
Signalement

Chiều cao                       
Taille

Màu mắt                       
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt                       
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu  
Photographie du titulaire



Chữ ký  
Signature



họ chiếu này có giá trị đi đến.....  
*Ce passeport est valable pour se rendre*

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

À TOUS PAYS

và hết hạn ngày 23 01 1995  
*IL expire le*

trừ khi được gia hạn.  
*sauf en cas de renouvellement*

Cấp tại Hà Nội ngày 23 tháng 01 năm 1990  
*Fait à le*

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

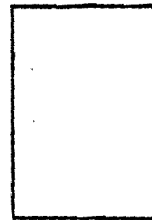
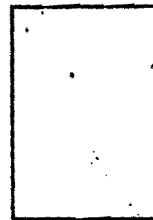
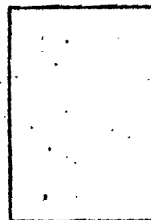
*LNam*

*Nguyễn Hoài Nam*

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU  
*ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT*

| Họ và tên<br><i>Nom et prénoms</i> | Ngày sinh<br><i>Date de naissance</i> |
|------------------------------------|---------------------------------------|
| 1.....                             |                                       |
| 2.....                             |                                       |
| 3.....                             |                                       |

Ảnh của trẻ em  
*Photographies des enfants*



BỊ CHỮ - NOTES

THỊ THỰC - VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 4203 XC

Cấp cho ông Dương Văn Minh

Công với đẻ em

Đến nước HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

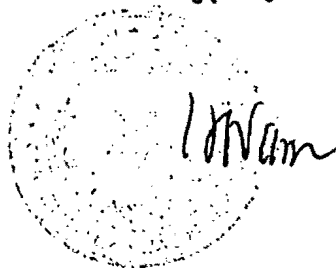
Còn cúc khác Ban Sơn Nhất

Tiến ngày 23 - 7 1990

Hồ Hộ, ngày 22 tháng 4 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM**

**HỘ CHIẾU**  
**Passeport**

Số  
N<sup>o</sup> K205/80-ĐC

Hộ chiếu này gồm 16 trang  
*Ce passeport contient 16 pages*

-1- IV/521490

Họ tên DƯƠNG VĂN MÃN  
*Nom et prénoms*

Ngày sinh 1965  
*Date de naissance*

Nơi sinh Tp. Hồ Chí Minh  
*Lieu de naissance*

Chỗ ở Tp. Hồ Chí Minh  
*Domicile*

Quốc tịch Việt Nam  
*Nationalité*

Nghề nghiệp /  
*Profession*

Nhận dạng Chiều cao  
*Signalement Taille*

Màu mắt /  
*Couleur des yeux*

Vết tích đặc biệt /  
*Signes particuliers*

Ảnh của người mang hộ chiếu  
*Photographie du titulaire*



Chữ ký  
*Signature*

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

*Ce passeport est valable pour se rendre*

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

À TOUS PAYS

và hết hạn ngày 23. 01. 1995

*IL expire le*

trừ khi được gia hạn.

*sauf en cas de renouvellement*

Cấp tại Hà Nội ngày 23 tháng 01 năm 1990

*Fait à*

*le*

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

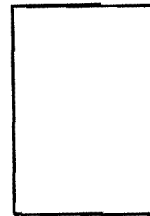
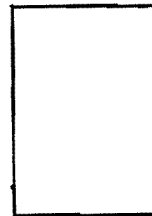
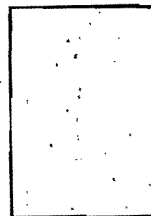
L. Nam

Nguyễn Hoài Nam

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU  
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

| Họ và tên<br><i>Nom et prénoms</i> | Ngày sinh<br><i>Date de naissance</i> |
|------------------------------------|---------------------------------------|
| 1 .....                            | .....                                 |
| 2 .....                            | .....                                 |
| 3 .....                            | .....                                 |

Ảnh của trẻ em  
*Photographies des enfants*



THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 4205 XC

Cấp cho anh Dương Văn Mãn

Công vụ đi để em

Đến nước HỢP CHỮNG QUỐC HOA KỲ

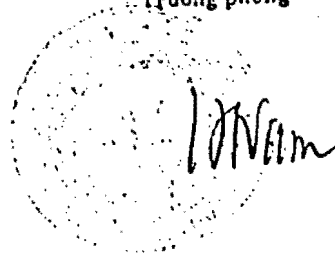
Qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất

Thời hạn 23. 7. 1990

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



*Nguyen Hoa Nam*



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM**

**HỘ CHIẾU**  
**Passeport**

Số

Nº

*H-203/90-ĐC*

Hộ chiếu này gồm 16 trang  
*Ce passeport contient 16 pages*

-1-

*IV #521490*

Họ tên.....DƯƠNG VĂN MINH.....  
*Nom et prénoms*

Ngày sinh.....1941.....  
*Date de naissance*

Nơi sinh.....Long An.....  
*Lieu de naissance*

Chỗ ở.....Ấp Hồ Chí Minh.....  
*Domicile*

Quốc tịch.....Việt Nam.....  
*Nationalité*

Nghề nghiệp...../.....  
*Profession*

Nhận dạng.....  
*Signalement*

Chiều cao.....  
*Taille*

Màu mắt.....  
*Couleur des yeux*

Vết tích đặc biệt.....  
*Signes particuliers*

Ảnh của người mang hộ chiếu.  
*Photographie du titulaire*



Chữ ký  
*Signature*



Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

*Ce passeport est valable pour se rendre*

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

À TOUS PAYS

và hết hạn ngày 23.01.1995

*IL expire le*

trừ khi được gia hạn.

*sauf en cas de renouvellement*

Cấp tại Hà Nội ngày 23 tháng 01 năm 1990

Fait à le

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

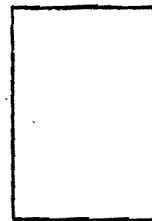
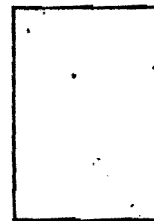
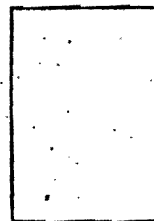
LNam

Nguyễn Hoài Nam

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU  
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

| Họ và tên<br><i>Nom et prénoms</i> | Ngày sinh<br><i>Date de naissance</i> |
|------------------------------------|---------------------------------------|
| 1.....                             |                                       |
| 2.....                             |                                       |
| 3.....                             |                                       |

Ảnh của trẻ em  
*Photographies des enfants*



BỊ CHỮ - NOTES

THỊ THỰC - VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

BX 4203 XC

Cấp cho ông Dương Văn Minh

Công với đẻ em

Đến nước HỢP CHỮNG QUỐC HOA KỲ

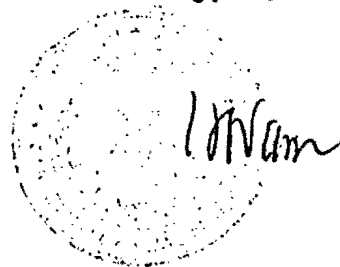
Cơ cấu khác Bản Sơn Nhất

Tính ngày 23 - 7 1990

hở hết, ngày 23 tháng 7 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM**

**HỘ CHIẾU**  
**Passeport**

Số

Nº

1201/9009

Hộ chiếu này gồm 16 trang  
*Ce passeport contient 16 pages*

-1-

IV#521490

Họ tên TRẦN THỊ THANH SƠN  
*Nom et prénoms*

Ngày sinh 1937  
*Date de naissance*

Nơi sinh Cẩm Phú Chi  
*Lieu de naissance*

Chỗ ở Tp. Hồ Chí Minh  
*Domicile*

Quốc tịch Việt Nam  
*Nationalité*

Nghề nghiệp /  
*Profession*

Nhận dạng / Chiều cao /  
*Signalement* *Taille*

Màu mắt /  
*Couleur des yeux*

Vết tích đặc biệt /  
*Signes particuliers*

Ảnh của người mang hộ chiếu  
*Photographie du titulaire*



Chữ ký  
*Signature*

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

*Ce passeport est valable pour se rendre*

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

A TOUS PAYS

và hết hạn ngày 23. 01. 1995

*IL expire le*

trừ khi được gia hạn.

*sauf en cas de renouvellement*

Cấp tại Hà Nội ngày 23 tháng 01 năm 1990

*Fait à le*

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

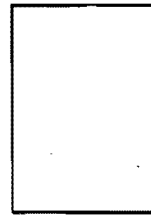
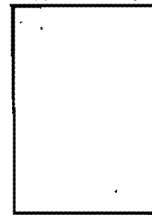
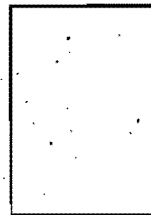
*L. Nam*

*Nguyễn Hoài Nam*

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU  
*ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT*

| Họ và tên<br><i>Nom et prénoms</i> | Ngày sinh<br><i>Date de naissance</i> |
|------------------------------------|---------------------------------------|
| 1.....                             |                                       |
| 2.....                             |                                       |
| 3.....                             |                                       |

Ảnh của trẻ em  
*Photographies des enfants*



THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số K201 XC

Cấp cho Bà Trần Thị Thanh Sơn

Công với Trẻ em

Đến nước HỢP CHỮNG QUỐC HOA KỲ

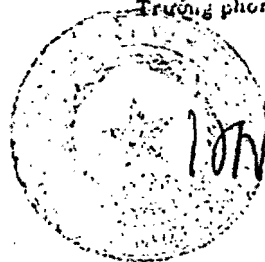
Quảng gia hạn: Tân Sơn Nhất

Trước ngày 23. 7. 1990

hết hạn, ngày 23 tháng 7 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



*Nguyễn Hoài Nam*



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM**

**HỘ CHIẾU**  
**Passeport**

Số  
Nº 8205/80-DC

Hộ chiếu này gồm 16 trang  
*Ce passeport contient 16 pages*

-1-

IV# 521490

Họ tên DƯƠNG VĂN MIỄN  
*Nom et prénoms*

Ngày sinh 1965  
*Date de naissance*

Nơi sinh Tp. Hồ Chí Minh  
*Lieu de naissance*

Chở ở Tp. Hồ Chí Minh  
*Domicile*

Quốc tịch Việt Nam  
*Nationalité*

Nghề nghiệp /  
*Profession*

Nhận dạng Chiều cao  
*Signalement Taille*

Màu mắt /  
*Couleur des yeux*

Vết tích đặc biệt /  
*Signes particuliers*

Ảnh của người mang hộ chiếu  
*Photographie du titulaire*



Chữ ký  
*Signature*



Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

*Ce passeport est valable pour se rendre*

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

À TOUS PAYS

và hết hạn ngày 23. 01. 1995

*IL expire le*

trừ khi được gia hạn.

*sauf en cas de renouvellement*

Cấp tại Hà Nội ngày 23 tháng 01 năm 1990

*Fait à le*

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

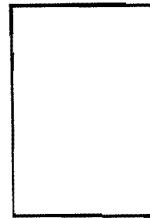
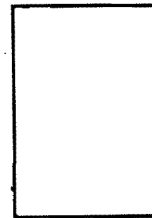
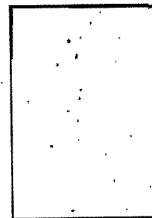
Lưu Nam

Nguyễn Hoài Nam

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU  
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

| Họ và tên<br><i>Nom et prénoms</i> | Ngày sinh<br><i>Date de naissance</i> |
|------------------------------------|---------------------------------------|
| 1.....                             | .....                                 |
| 2.....                             | .....                                 |
| 3.....                             | .....                                 |

Ảnh của trẻ em  
*Photographies des enfants*



THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 42.05 XC

Cố cho anh Dương Văn Mãn

Công việc đi đi em

Đến trước HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

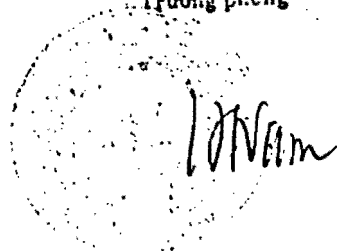
Qua cửa khẩu Cần Sơn Nhứt

Trước ngày 23.7.1990

Hộ tịch, ngày 23 tháng 07 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



*Nguyễn Văn Nam*



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM**

**HỘ CHIẾU**  
**Passeport**

Số .....  
N° ..... *K-209/90-DC*

Hộ chiếu này gồm 16 trang  
*Ce passeport contient 16 pages*

-1- *IV # 521490*

Họ tên DƯƠNG THỊ LINH PHƯƠNG

Nom et prénoms

Ngày sinh 1971

Date de naissance

Nơi sinh Đông Nai

Lieu de naissance

Chỗ ở Tr. Hồ Chí Minh

Domicile

Quốc tịch Việt Nam

Nationalité

Nghề nghiệp /

Profession

Nhận dạng Chiều cao

Signalement

Taille

Màu mắt

Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt

Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu

Photographie du titulaire



Chữ ký

Signature

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

*Ce passeport est valable pour se rendre*

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

A TOUS PAYS

và hết hạn ngày 22 01 1995

*IL expire le*

trừ khi được gia hạn.

*sauf en cas de renouvellement*

Cấp tại Hà Nội ngày 22 tháng 01 năm 1990

*Fait à le*

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

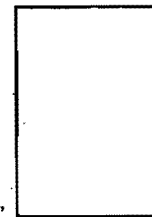
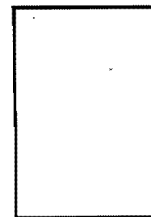
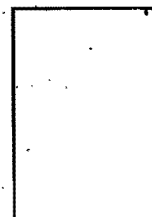
L. Nam

Nguyễn Hoài Nam

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU  
*ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT*

| Họ và tên<br><i>Noni et prénoms</i> | Ngày sinh<br><i>Date de naissance</i> |
|-------------------------------------|---------------------------------------|
| 1 .....                             |                                       |
| 2 .....                             |                                       |
| 3 .....                             |                                       |

Ảnh của trẻ em  
*Photographies des enfants*



THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 4209 XC

Cấp cho Đường Thị Linh Phương

Công văn — Trẻ em

Họ tên HỌP CHÚNG QUỐC HOA KỲ

Quê quán Bà Rịa

Thời hạn 23. 7. 1990

Nơi, ngày 23 tháng 01 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Nguyễn Hòa Nam



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM**

**HỘ CHIẾU**  
**Passeport**

SS  
N<sup>o</sup> 207/90-DC

Hộ chiếu này gồm 16 trang  
*Ce passeport contient 16 pages*

-1- IV# 521490

Họ tên DƯƠNG THỊ KIM CHÍ  
Nom et prénoms

Ngày sinh 1966  
Date de naissance

Nơi sinh Tp. Hồ Chí Minh  
Lieu de naissance

Chở ở Tp. Hồ Chí Minh  
Domicile

Quốc tịch Việt Nam  
Nationalité

Nghề nghiệp /  
Profession

Nhận dạng                       
Signalement

Chiều cao                       
Taille

Màu mắt                       
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt                       
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu  
Photographie du titulaire



Chữ ký  
Signature



Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

*Ce passeport est valable pour se rendre*

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

A TOUS PAYS

và hết hạn ngày 23. 01. 1995

*IL expire le*

trừ khi được gia hạn.

*sauf en cas de renouvellement*

Cấp tại Hà Nội ngày 22 tháng 01 năm 1990.....

*Fait à*

*le*

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

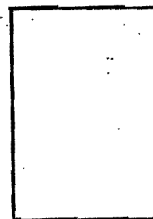
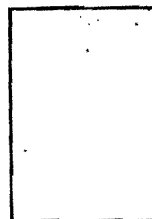
1/ Năm

Nguyễn Hoài Nam

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU  
*ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT*

| Họ và tên<br><i>Nom et prénoms</i> | Ngày sinh<br><i>Date de naissance</i> |
|------------------------------------|---------------------------------------|
| 1.....                             | .....                                 |
| 2.....                             | .....                                 |
| 3.....                             | .....                                 |

Ảnh của trẻ em  
*Photographies des enfants*



BỊ CHỦ — NOTES

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số H207 VC

Cấp cho Đường Thị Kim Chi

Công với \_\_\_\_\_ ở đơn vị \_\_\_\_\_

Đến nước HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

Các quốc khác: Tân Sơn Nhất

Tên, ngày 23 - 7 - 1990

Hà Nội, ngày 23 tháng 1 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

10 Nam

Nguyễn Hoài Nam



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM**

**HỘ CHIẾU**

**Passeport**

Số

Nº

11211/90-ĐC,

Hộ chiếu này gồm 16 trang  
Ce passeport contient 16 pages

-1- IV # 521490

Họ tên DƯƠNG MINH PHƯỚC

Nom et prénoms

Ngày sinh 1972

Date de naissance

Nơi sinh Đông Nai

Lieu de naissance

Chỗ ở Tp. Hồ Chí Minh

Domicile

Quốc tịch Việt Nam

Nationalité

Nghề nghiệp /

Profession

Nhận dạng Chiều cao

Signalement

Taille

Màu mắt

Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt

Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu

Photographie du titulaire



Chữ ký

Signature

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

*Ce passeport est valable pour se rendre*

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

A TOUS PAYS

và hết hạn ngày 23 - 01 - 1995

*IL expire le*

trừ khi được gia hạn.

*sauf en cas de renouvellement*

Cấp tại Hà Nội ngày 23 tháng 01 năm 1990

*Fait à le*

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

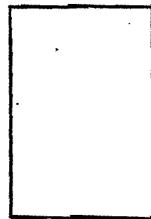
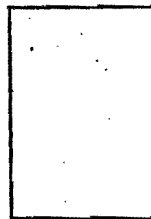
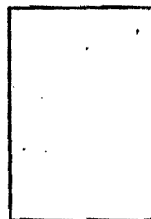
*Đ. Nam*

*Nguyễn Hoài Nam*

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU  
*ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT*

| Họ và tên<br><i>Nom et prénoms</i> | Ngày sinh<br><i>Date de naissance</i> |
|------------------------------------|---------------------------------------|
| 1 .....                            |                                       |
| 2 .....                            |                                       |
| 3 .....                            |                                       |

Ảnh của trẻ em  
*Photographies des enfants*



THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số H211 XC

Cấp cho Đường Minh Phước

Cơ sở Thế an

HỢP CHỮNG QUỐC HOA KỲ

Chức vụ Tân Sơn Nhất

Ngày 23. 7. 1990

Đến 23 tháng 7 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Ngay ở Hà Nội

HD: 27757  
15/2327 HCM.

H141

7.2.90.

BỘ NỘI VỤ  
CỤC QUẢN LÝ XNC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số : 1388/XC

IU# 521490

GIẤY BẢO TIN

Kính gửi : Bà Trần Thị Thanh Sơn.

Hiện ở : 446/9 Bis / 37 Hùng Vương, Q11, TP Hồ Chí Minh.

1/ Chúng tôi đồng ý cho bà cùng 05. người trong gia đình được phép xuất cảnh đến nước Mỹ .

2/ Về việc cấp hộ chiếu : chúng tôi đã cấp 06 hộ chiếu cho gia đình, số :

4201 dân số 4211 / 90 DC, ( gửi kèm theo )

3/ Chúng tôi đã lên danh sách số 1105. chuyển Bộ Ngoại giao để chuyển chính phủ Mỹ bố trí tiếp xúc phỏng vấn và xét nhập cảnh .

Nếu gia đình cần biết thời gian phỏng vấn và kết quả xét duyệt nhập cảnh xin liên hệ với chính phủ Mỹ .

Xin thông báo để bà yên tâm ./.

Hà Nội, ngày 30 tháng 1 năm 1990

P. TRƯỞNG PHÒNG X.N.C



Nguyễn Phương

EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA  
BANGKOK, THAILAND

MAY 30, 1989

TO WHOM IT MAY CONCERN:

|                       |      |           |                    |
|-----------------------|------|-----------|--------------------|
| TRAN THI THANH SON    | BORN | 12 MAY 37 | (IV 521490)        |
| DUONG VAN MINH        | BORN | 26 DEC 41 | HUSBAND            |
| DUONG VAN MAN         | BORN | 28 NOV 65 | UNMARRIED SON      |
| DUONG THI KIM CHI     | BORN | 19 NOV 66 | UNMARRIED DAUGHTER |
| DUONG THI THUY LINH   | BORN | 26 OCT 68 | UNMARRIED DAUGHTER |
| DUONG THI LINH PHUONG | BORN | 30 OCT 71 | UNMARRIED DAUGHTER |
| DUONG MINH PHUOC      | BORN | 16 NOV 72 | UNMARRIED SON      |

ADDRESS IN VIETNAM: 146 9BIS DUONG 37, HUNG VUONG  
P 01  
Q 11  
T/P HO CHI MINH

VEWL#: 50894

NHUNG NGUOI CO TEN TREN DAY DUOC COI NHU TAM DU TIEU-CHUAN DE DINH-CU TAI HOA-KY. TUY NHIEU, SU QUYET-DINH CUOI CUNG DE HOI DU DIEU-KIEN CON TUY THUOC VAO CUOC PHONG-VAN CUA VIEN-CHUC SO DI-TRU HAY TUY VIEN LANH-SU HOA-KY VA KET-QUA VIEC KHAM SUC KHOE VA THU-NGHIEM Y-TE CAN THIET. DE CO SU CHAP-THUAN CUOI CUNG CUA VIEN-CHUC HOA-KY, VA TRUOC KHI ROI KHOI VIET-NAM, MOI NGUOI CAN CO SUC KHOE TOT DEP VA HOI DU NHUNG DIEU-KIEN CUA LUAT DI-TRU HOA-KY.

VI THE, TRONG TRUONG HOP NHUNG NGUOI NAY DUOC CHINH-QUYEN VIET-NAM CHO PHEP XUAT-CANH, CHUNG TOI YEU CAU QUY VI CHO PHEP HO DUOC THI HANH TAI VIET-NAM NHUNG THU-TUC CAN THIET LIEN-QUAN DEN HO-SO XIN ROI KHOI VIET-NAM, THEO CHUONG-TRINH RA DI CO TRAT TU (ODP), KE CA NHUNG THU-TUC KHAM SUC-KHOE, THU-NGHIEM Y-TE CAN THIET VA DUOC CHINH-QUYEN VIET-NAM CHO PHEP GAP VIEN-CHUC CO THAM-QUYEN CUA CHINH-PHU HOA-KY DE DUOC PHONG-VAN.

DIEU KIEN DUOC DINH-CU TAI HOA-KY CUA BAT CU NGUOI NAO CO TEN TRONG TO THU NAY, CO THE KHONG CON HIEU LUC NUA, TRONG MOT SO TRUONG HOP, BAO GOM CA HON-NHAN, LY-DI, DEN TUOI 21, HAY QUA DOI.

SINCERELY

  
BRUCE A. DEGROS  
DIRECTOR  
ORDERLY ROOM  
THAILAND OFFICE

ODP-I  
07/88

9359239



Orderly Departure Program  
American Embassy  
APO San Francisco 96346

TRAN THI THU THUY  
4 LAKE ST  
SOMERVILLE MA 02143

IV Number : 521490

The enclosed information pertains to your interest in the Orderly Departure Program. Please read and follow all the instructions very carefully. When communicating with this office by letter, you must ALWAYS refer to the IV number exactly as it appears above.

ODP files are being reviewed by category priority. The attached Letter of Introduction has been issued as a result of your relative's file category coming up on our priority schedule. You may have other family members whose files have not yet been reviewed. Their files will be reviewed once we have completed the review of all higher priority categories and reach the category of the cases of your remaining relatives.

Following is an English translation of the enclosed Letter of Introduction :

The above named individuals appear to qualify for resettlement in the United States of America. A final decision as to their eligibility, however, can only be made after they have been interviewed by the appropriate United States immigration or consular officials and have had certain required medical examinations and tests. Approval will depend on the individuals being determined by U.S. officials, prior to the individual's departure from Vietnam, to be in satisfactory health and to meet the requirements of U.S. immigration laws.

Therefore, should these individuals receive exit permission from the Vietnamese Government, we request that they be permitted to undertake in Vietnam all formalities and processing connected with their application to leave Vietnam under the U.S. Orderly Departure Program, including the required medical examinations and tests, and that they be permitted by the Vietnamese authorities to appear before the appropriate United States Government officials to be interviewed.

The qualification of any individual named in this letter for resettlement in the United States may be invalidated in certain situations, including marriage, divorce, the attainment of age of 21, or death.

Encl: Letter of Introduction  
Instructions

CRU /TUM

Thuy Tram 4 Lake St Somerville, Ma. 02143

MAR 12 1990



TO:

FIRST CLASS

Family of Vietnamese

Political Prisoner Assoc

P.O. Box 5435

Arlington, VA. 22205-0635

CONTROL

\_\_\_\_ Card  
\_\_\_\_ Doc. Request; Form  
\_\_\_\_ Release Order  
\_\_\_\_ Computer  
\_\_\_\_ Form "D"  
\_\_\_\_ ODP/Date  
\_\_\_\_ Membership; Letter

4/25/91

Orderly Departure Program  
American Embassy  
APO San Francisco 96346

TRAN THI THU THUY  
4 LAKE ST  
SOMERVILLE MA 02143

IV Number : 521490

The enclosed information pertains to your interest in the Orderly Departure Program. Please read and follow all the instructions very carefully. When communicating with this office by letter, you must ALWAYS refer to the IV number exactly as it appears above.

ODP files are being reviewed by category priority. The attached Letter of Introduction has been issued as a result of your relative's file category coming up on our priority schedule. You may have other family members whose files have not yet been reviewed. Their files will be reviewed once we have completed the review of all higher priority categories and reach the category of the cases of your remaining relatives.

Following is an English translation of the enclosed Letter of Introduction :

The above named individuals appear to qualify for resettlement in the United States of America. A final decision as to their eligibility, however, can only be made after they have been interviewed by the appropriate United States immigration or consular officials and have had certain required medical examinations and tests. Approval will depend on the individuals being determined by U.S. officials, prior to the individual's departure from Vietnam, to be in satisfactory health and to meet the requirements of U.S. immigration laws.

Therefore, should these individuals receive exit permission from the Vietnamese Government, we request that they be permitted to undertake in Vietnam all formalities and processing connected with their application to leave Vietnam under the U.S. Orderly Departure Program, including the required medical examinations and tests, and that they be permitted by the Vietnamese authorities to appear before the appropriate United States Government officials to be interviewed.

The qualification of any individual named in this letter for resettlement in the United States may be invalidated in certain situations, including marriage, divorce, the attainment of age of 21, or death.

Encl: Letter of Introduction  
Instructions

CRU /TUM

EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA  
BANGKOK, THAILAND

MAY 30, 1989

TO WHOM IT MAY CONCERN:

|                       |      |           |                    |
|-----------------------|------|-----------|--------------------|
| TRAN THI THANH SON    | BORN | 12 MAY 37 | (IV 521490)        |
| DUONG VAN MINH        | BORN | 26 DEC 41 | HUSBAND            |
| DUONG VAN MAN         | BORN | 28 NOV 65 | UNMARRIED SON      |
| DUONG THI KIM CHI     | BORN | 19 NOV 66 | UNMARRIED DAUGHTER |
| DUONG THI THUY LINH   | BORN | 26 OCT 68 | UNMARRIED DAUGHTER |
| DUONG THI LINH PHUONG | BORN | 30 OCT 71 | UNMARRIED DAUGHTER |
| DUONG MINH PHUOC      | BORN | 16 NOV 72 | UNMARRIED SON      |

ADDRESS IN VIETNAM: 146 9BIS DUONG 37, HUNG VUONG  
P 01  
Q 11  
T/P HO CHI MINH

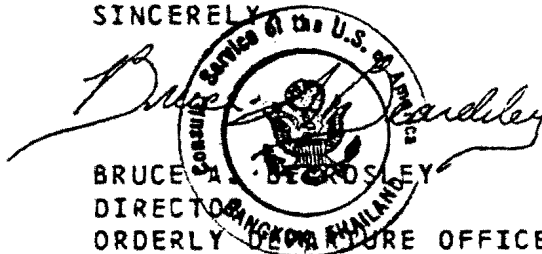
VEWL#: 50894

NHUNG NGUOI CO TEN TREN DAY DUOC COI NHU TAM DU TIEU-CHUAN DE DINH-CU TAI HOA-KY. TUY NHIEN, SU QUYET-DINH CUOI CUNG DE HOI DU DIEU-KIEN CON TUY THUOC VAO CUOC PHONG-VAN CUA VIEN-CHUC SO DI-TRU HAY TUY VIEN LANH-SU HOA-KY VA KET-QUA VIEC KHAM SUC KHOE VA THU-NGHIEM Y-TE CAN THIET. DE CO SU CHAP-THUAN CUOI CUNG CUA VIEN-CHUC HOA-KY, VA TRUOC KHI ROI KHOI VIET-NAM, MOI NGUOI CAN CO SUC KHOE TOT DEP VA HOI DU NHUNG DIEU-KIEN CUA LUAT DI-TRU HOA-KY.

VI THE, TRONG TRUONG HOP NHUNG NGUOI NAY DUOC CHINH-QUYEN VIET-NAM CHO PHEP XUAT-CANH, CHUNG TOI YEU CAU QUY VI CHO PHEP HO DUOC THI HANH TAI VIET-NAM NHUNG THU-TUC CAN THIET LIEN-QUAN DEN HO-SO XIN ROI KHOI VIET-NAM, THEO CHUONG-TRINH RA DI CO TRAT TU (ODP), KE CA NHUNG THU-TUC KHAM SUC-KHOE, THU-NGHIEM Y-TE CAN THIET VA DUOC CHINH-QUYEN VIET-NAM CHO PHEP GAP VIEN-CHUC CO THAM-QUYEN CUA CHINH-PHU HOA-KY DE DUOC PHONG-VAN.

DIEU KIEN DUOC DINH-CU TAI HOA-KY CUA BAT CU NGUOI NAO CO TEN TRONG TO THU NAY, CO THE KHONG CON HIEU LUC NUA, TRONG MOT SO TRUONG HOP, BAO GOM CA HON-NHAN, LY-DI, DEN TUOI 21, HAY QUA DOI.

SINCERELY

  
BRUCE A. DECROSEY  
DIRECTOR  
ORDERLY ROOM OFFICE

ODP-I  
07/88

9359239



CÔNG AN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
CÔNG AN QUẬN 11

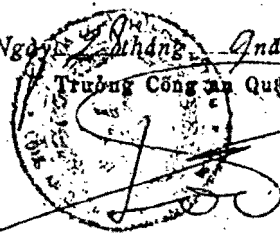
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Số 2288/NK

## BIÊN NHẬN

Ông bà : DƯƠNG VĂN MINH (1941)  
Địa chỉ : 146/9 B15/37 Hẻm Bưởi p. 11  
Có nộp đơn xuất cảnh kèm theo : hủy (tiền 30)  
cung đi theo 8 người

Ngày 2 tháng 7 năm 1987  
Trưởng Công an Quận 11



Chánh văn Sưu

# ĐƠN XIN XUẤT CẢNH SANG

Hoa-Ky

Kính gửi: Phòng công tác người nước ngoài và xuất nhập cảnh  
Thành phố Hồ Chí Minh Bộ phận đăng ký xuất cảnh — Quận XI

Tôi là: DƯƠNG VĂN MINH  
Năm sinh 26-12-1941 tại xã Tân Trach, Củ Chi (Long An)  
Dân tộc: Kinh Quốc tịch Việt Nam Tôn giáo Phật  
Căn cước, chứng minh số 022344816 cấp ngày 13-01-1987 tại Quận 6  
Nghề nghiệp hiện nay  
Hiện ngụ tại 146/4 B/37 Đường Huỳnh Văn Phường I Quận 11  
Làm đơn này xin trình bày một việc như sau:  
Nguyên tôi có \_\_\_\_\_ Sinh năm \_\_\_\_\_  
Trước đây ở Việt Nam tại \_\_\_\_\_  
Đã ra đi nước ngoài ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ bằng phương tiện \_\_\_\_\_  
Hiện nay định cư tại \_\_\_\_\_  
và \_\_\_\_\_ đã đứng ra bảo lãnh cho gia đình tôi  
được xuất cảnh sang Hoa-Ky do theo chuẩn sách nhân đạo

CÙNG XIN ĐĂNG KÝ XUẤT CẢNH GỒM CÓ:

| SỐ<br>TT | HỌ VÀ TÊN              | NĂM SINH |      | SỐ CĂN CƯỚC<br>CHỨNG MINH<br>KHAI SINH | QUAN HỆ    |
|----------|------------------------|----------|------|----------------------------------------|------------|
|          |                        | NAM      | NỮ   |                                        |            |
| 1        | Trần Thị Thanh Sơn     |          | 1987 | 020835636                              | con        |
| 2        | Đặng Văn Dân           | 1965     |      | 021977113                              | con        |
| 3        | Đặng Thị Kim Chi       |          | 1966 | 021977112                              | con        |
| 4        | Đặng Thị Thanh Linh    |          | 1968 | 021977111                              | con        |
| 5        | Đặng Thị Linh Phương   |          | 1971 | 022341455                              | con        |
| 6        | Đặng Minh Phước        | 1972     |      | 022344871                              | con        |
| 7        | Nguyễn Hữu Đức         | 1968     |      | 021961811                              | con        |
| 8        | Nguyễn Dương Thụy Hằng |          | 1988 | K.S. 21/K.S. 703                       | Cháu ngoại |

XÁC NHẬN  
CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Ngày 26 tháng 1 năm 1989  
NGƯỜI LÀM ĐƠN

Minh





HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 521490

VEWL#: 50894

I-171#: (Y) NO

EXIT VISA#:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM DƯƠNG VĂN MINH  
Last Middle First

Current Address: 146 - 9 bis - 37 Hùng Vương, F01, Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh

Date of Birth: December, 28, 1941 Place of Birth: Long An Province

Previous Occupation (before 1975) Captain  
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From June, 24, 1975 To April, 26, 1984  
Years: 8 Months: 9 Days: 24

3. SPONSOR'S NAME: THUY TRẦN  
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| Name, Address & Telephone Number | Relationship         |
|----------------------------------|----------------------|
| <u>THUY TRẦN</u>                 | <u>Sister-in-law</u> |
| <u>KIỀU TRẦN</u>                 | <u>Niece</u>         |
|                                  |                      |
|                                  |                      |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED:

INTAKE FORM (Two Copies)  
MAU DON VE LY-LICH  
\*\*\*\*\*

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : ĐƯỜNG VĂN MINH  
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten gọi)  
DATE, PLACE OF BIRTH : December 26 1941  
Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)  
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): \_\_\_\_\_  
MARITAL STATUS Single (Doc than): \_\_\_\_\_ Married (Co lap gia dinh): X  
Tình trạng gia dinh): \_\_\_\_\_  
ADDRESS IN VIETNAM : 146 - gbis - 37 Hùng Vương, F.1, Quận 11  
Dia chi tai Viet-Nam) Thành phố Hồ Chí Minh  
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) \_\_\_\_\_  
If Yes (Neu co): From (Tu): June, 25, 1975 To (Den): April, 26, 1984  
PLACE OF RE-EDUCATION: Long Giao, Hoàng Liên Sơn, Vĩnh Phú, Thái Đức  
CAMP (Trai tu) \_\_\_\_\_  
PROFESSION (Nghe nghiep): Captain  
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): \_\_\_\_\_  
IN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Captain  
IN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): \_\_\_\_\_ Date (nam): \_\_\_\_\_  
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X  
\* (Xem mặt sau) IV Number (So ho-so): 521490  
No (Khong): \_\_\_\_\_  
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): \_\_\_\_\_  
\*\* (Xem mặt sau) (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep  
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 146 - gbis - 37 Hùng Vương  
F.1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh  
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):  
THUY TRẦN  
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): \_\_\_\_\_  
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Sister-in-law.  
NAME & SIGNATURE: ĐƯỜNG VĂN MINH  
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT Đu  
Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) 146 - gbis - 37 Hùng Vương, F.1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh  
DATE: September 25 1989  
Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

\* Đã nộp hồ sơ xin xuất cảnh theo Chương trình Tái Định cư ở Mỹ được 2 Chính Phủ Việt Nam và Hoa Kỳ thỏa thuận dành cho những tư nhân chính trị.

Hồ sơ đã nộp ngày 28-9-1989 tại Công An Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Biên nhận số 2288/NK ngày 28-9-1989 (bản sau đính kèm)

•• \*\* Number of Dependents accompanying :

- |                          |        |              |
|--------------------------|--------|--------------|
| 1. Trần thị Thanh Sơn    | , 1937 | , vợ         |
| 2. Dương văn Mẫn         | , 1965 | , con        |
| 3. Dương thị Kim Chi     | , 1966 | , con        |
| 4. Dương thị Thủy Linh   | , 1968 | , con        |
| 5. Dương thị Linh Phương | , 1971 | , con        |
| 6. Dương minh Phước      | , 1972 | , con        |
| 7. Huỳnh hiền Đức        | , 1968 | , con rể     |
| 8. Huỳnh Dương Thủy Hằng | , 1988 | , cháu ngoại |

# MẪU ĐƠN BẢO LÃNH CÁC CỰU TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ



NATIONAL OFFICE

## MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

202/659-6625

Telex: 710 622 1164 ATTN: MRS

### POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam DUONG Last VAN Middle MINH First

Current Address 146 - 9Bis - 37 Hung Vuong F. 01 - QUEN 11 TP. HCM (VN)

Date of Birth December 26, 1944 Place of Birth Long An Province

Names of Accompanying Relatives/Dependents

|                                     |                                               |
|-------------------------------------|-----------------------------------------------|
| <u>Tran Thi Thanh Son (wife)</u>    | <u>Duong Thi Thuy Linh (daughter)</u>         |
| <u>Duong Van Man (son)</u>          | <u>Duong Thi Linh Phuong (daughter)</u>       |
| <u>Duong Thi Kim Chi (daughter)</u> | <u>Duong Minh Phuoc (son)</u>                 |
| <u>Huynh Thui Duc (son-in-law)</u>  | <u>Huynh Duong Thuy Haing (granddaughter)</u> |

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From June 24, 1975 to April 26, 1984

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

| NAME             | RELATIONSHIP         | NAME | RELATIONSHIP |
|------------------|----------------------|------|--------------|
| <u>Thuy Tran</u> | <u>sister in law</u> |      |              |
| <u>Kieu Tran</u> | <u>niece</u>         |      |              |
|                  |                      |      |              |

Form Completed By:

Thuy Tran  
Name

Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

USCC Form D

THUY THI THU TRAN  
4 LAKE ST.  
SOMERVILLE, MA 02143

258

10/23

1984

53-7061/2113

PAY TO THE  
ORDER OF

Families of Vietnam Political Prisoners Ass. \$ 12.00

Twelve

00/100

DOLLARS

**Somerset**  
**Bank**

BURLINGTON / SOMERVILLE  
MASSACHUSETTS

MEMO đang nên liên lạc với

Thuy Nam

521490

041055

(hồ sơ của phs tôi - hoặc con gái tôi  
bắt đầu. Cháu đã gửi cho bà rồi. Cháu  
lên MONA KIEM THI CHUNG

NGUYEN VAN LOC

(em trai con)

Thầy thật cảm ơn bà -  
Thuy Nam

10/17/89

Xin gửi bà Thu.

Hôm nay tôi gửi xuống hồ sơ bảo lãnh của chị tôi để nhờ bà giúp đỡ sum ở Bangkok đã cấp giấy lời cho gia đình chị tôi rồi nhưng ở VN xin giấy xuất cảnh được vì theo diện lui chính trị vì vậy giờ tôi đi tôi phải xin đơn xuất cảnh theo diện lui chính trị mà Mỹ hiện giờ đang muốn trao đổi. Gửi kèm 1 hồ sơ của Nguyễn Văn Lộc (em bà con tôi) xin bà xem và xét sum có thể giúp được gì cho gia đình chị tôi không. Tôi cũng gửi kèm đơn của bà mẹ tôi Trần Cảnh Chung xuống cho bà. Đơn này của tôi Kieu Chung ở California đã gửi xuống cho bà hồi tháng này. Hôm nay tôi gửi thêm xuống để bà xem luôn sum. Gửi kèm 1 check 12.00 để đóng tiền liên cho tôi.

Mong bà giúp đỡ sum cho gia đình tôi khi nhận được hồ sơ, xin bà cho tôi biết tôi là hồ sơ được xếp theo thứ tự của tôi hoặc theo số EV để tôi cần liên lạc với tôi được để đây. Cảm ơn bà rất nhiều và chúc tôi - được việc thật công tác. Tôi giúp đỡ những người còn số

Việt Nam.

TRẦN Thị Thanh Sơn IV # 521490  
(chị ruột)

TRẦN Công Chung 8V # 041055  
(hồ sơ của anh tôi - di chúc con gái ông tên  
bầu lảnh. Cháu đã gửi cho bà rồi. Cháu  
tên MONG KIEM THI CHUNG

NGUYỄN VĂN LỘC

(em trai con)

Thật thật cảm ơn bà -  
Mừng Nam

H Lake SL

Thuy Tran H Lake St Somerville, Ma 02143



TO: Families of Vietnam Political Prisoners Ass.  
P.O. Box 5435  
Arlington, VA 22205-0635



C O N T R O L

\_\_\_\_ Card  
X Doc. Request; Form  
\_\_\_\_ Release Order  
\_\_\_\_ Computer  
\_\_\_\_ Form "D"  
\_\_\_\_ ODP/Date \_\_\_\_\_  
\_\_\_\_ Membership; Letter

11/15/89